

Số: 84/2020/QĐST-HNGĐ

Thuận An, ngày 19 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Vũ Quang T, sinh năm 1984;

- Bà Lương Ngọc D, sinh năm 1992;

Cùng nơi thường trú: số C167, khu phố B, phường L, thị xã T1, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Quang T và bà Lương Ngọc D tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T1, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 281/2013, quyển số 02/2013 ngày 15 tháng 11 năm 2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, khiến cho hôn nhân không hạnh phúc. Ông T và bà D không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bôn phận người đó, bỏ mặc nhau.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Vũ Quang T và bà Lương Ngọc D thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Vũ Quang T và bà Lương Ngọc D thống nhất giao chung tên Vũ Bảo L1, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2015 cho bà Lương Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Vũ Quang T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Quang T và bà Lương Ngọc D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Vũ Bảo L1, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2015 cho bà Lương Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện ông Vũ Quang T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Vũ Quang T và bà Lương Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0046138 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi

hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Phòng Tư pháp thị xã Thuận An;
- Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 281/2013, quyền số 02/2013, ngày 15 tháng 11 năm 2013;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà